



BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202A Trường Chinh, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Số: 04/2024

Hướng dẫn thực hành các công cụ và kỹ thuật trong Năng suất Xanh



Sáng ngày 25/9, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam (Chi nhánh tại Đà Nẵng) tổ chức khóa đào tạo Hướng dẫn thực hành các công cụ và kỹ thuật trong Năng suất Xanh.

Tham gia khóa đào tạo có Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các học viên là cán bộ chất lượng, kỹ thuật của doanh nghiệp; giảng viên về năng suất, chất lượng của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

Thông qua sự truyền đạt, hướng dẫn của Ông Nguyễn Ngọc Thi - Giám đốc Viện Năng suất Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng, các học viên được củng cố và tiếp cận những kiến thức chuyên sâu về Năng suất Xanh; tham gia thực hành các bước và nhiệm vụ theo phương pháp luận Năng suất Xanh trực tiếp tại Nhà máy nước khoáng Thạch Bích – Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi./.

Trong số này:

- Thông báo của một số nước thành viên WTO.
- Danh sách Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật mới ban hành
- TCVN 13275:2020 Về định dạng vật mang dữ liệu trong truy xuất nguồn gốc
- Hiệp định TBT và một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại
- Chính thức vận hành Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia từ ngày 01/10/2024

Tháng 11/2024

Chuyên mục: Thông báo của một số nước thành viên WTO**Cảnh báo đối với dự thảo sửa đổi biện pháp của Nhật Bản về thực phẩm và phụ gia thực phẩm**

Ngày 10/9/2024, Nhật Bản đã gửi thông báo mã G/TBT/N/JPN/828 về sửa đổi Yêu cầu kỹ thuật và Tiêu chuẩn dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v mà Bộ Y tế và Phúc lợi Nhật Bản đã ban hành từ ngày 30/8/2020. Cụ thể, nội dung sửa đổi lần này liên quan tới yêu cầu về thử nghiệm, chất thử, dung dịch thử nghiệm, yêu cầu kỹ thuật đối với vật dụng, vật chứa và bao bì thực phẩm theo loại vật liệu và theo mục đích sử dụng.



Theo Nhật Bản, dự thảo này được xây dựng nhằm mục tiêu phòng ngừa nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng theo quy định tại Nghị định và Pháp lệnh của Chính phủ Nhật Bản về thi hành Đạo luật Vệ sinh thực phẩm. Nhật Bản sẽ tiếp nhận ý kiến góp ý từ các nước Thành viên WTO đến hết ngày 10/11/2024.

Dự kiến, nội dung sửa đổi nói trên sẽ có hiệu lực trong năm 2025.

Văn bản đầy đủ của Dự thảo:

https://members.wto.org/cnattachments/2024/TBT/JPN/24_05877_00_e.pdf

Ủy ban Châu Âu thông báo Dự thảo Quy định đối với máy sấy quần áo gia dụng

Ngày 29/10/2024, Ủy ban Châu Âu thông báo Mã: G/TBT/N/EU/1093 về Dự thảo Quy định đối với máy sấy quần áo gia dụng.

Theo đó, Dự thảo Quy định của Ủy ban này sửa đổi Quy định (EU) 2023/2534 mới được phê duyệt về nhãn năng lượng cho máy sấy quần áo gia dụng để triển khai điểm số khả năng sửa chữa trong nhãn năng lượng. Sau đó, thông tin về khả năng sửa chữa sẽ được đưa vào tờ thông tin sản phẩm và thông tin kỹ thuật của máy sấy quần áo gia dụng.

Việc tuân thủ thông tin sửa chữa trên nhãn và trong tờ thông tin sản phẩm phải được thực hiện trên cùng một mẫu máy thay vì trên cùng một mẫu máy hoặc các mẫu máy tương đương, để tránh việc các sản phẩm có cùng điểm khả năng sửa chữa nhưng cấu trúc bên trong khác nhau được sử dụng để xác minh việc tuân thủ. Cũng cần nhấn mạnh sự khác biệt giữa tiêu chí hợp lệ và tiêu chí xác minh để tránh hiểu lầm giữa các nhà sản xuất; Thông tin cho người tiêu dùng, nhãn mác.

Thời hạn để góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

https://members.wto.org/cnattachments/2024/TBT/EEC/24_07371_00_e.pdf

Nguồn: TBT Quảng Ngãi tổng hợp


www.epingalert.org

DANH MỤC THÔNG BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

STT	Nước thông báo	Vấn đề thông báo
01	Cộng đồng Châu Âu	Sản phẩm diệt khuẩn
02	Ukraine	Sản phẩm hữu cơ; mật ong thiên nhiên
03	Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	Thực phẩm
04	Uganda	Rau củ quả; rau đóng hộp
05	Bra-xin	Thuốc
06	Kenya	Các loại hạt; thực phẩm chế biến sẵn và đóng gói sẵn; đồ uống không cồn; các quy trình trong ngành công nghệ thực phẩm
07	Rwanda	Bánh mì, bánh ngọt và các loại bánh khác
08	Ấn Độ	Thực phẩm
09	Hoa Kỳ	Máy rửa chén
10	Trung Quốc	Xe ba bánh; Đèn led chiếu sáng đường bộ và đường hầm
11	Canada	Viễn thông
12	Ai Cập	Thiết bị điện gia dụng

Nguồn: TBT Quảng Ngãi

QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT MỚI BAN HÀNH

STT	Ký hiệu	Nội dung	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
01	QCVN 100:2024/B TTTT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tương thích điện từ đối với thiết bị vô tuyến di động mặt đất và trung kế vô tuyến mặt đất	25/10/2024	01/01/2025
02	QCVN 05A:2020/BCT/SĐ1:2 024	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm	10/10/2024	15/04/2025
03	QCVN 35:2024/B TNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước khai thác thải của các công trình dầu khí trên biển	23/9/2024	26/3/2025
04	QCVN 36:2024/B TNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dung dịch khoan và mùn khoan thải của các công trình thăm dò, khai thác dầu khí trên biển	23/9/2024	26/3/2025
05	TCVN 12371-2-13:2024	Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật – Phần 2-13: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định Virus đốm vòng cà chua (Tomato ringspot virus – ToRSV)	04/9/2024	04/9/2024
06	TCVN 12371-2-16:2024	Quy trình giám định vi khuẩn, virus, phytoplasma gây hại thực vật – Phần 2-16: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định Virus khảm lá sắn Sri Lanka (Srilankan cassava mosaic virus – SLCMV)	04/9/2024	04/9/2024
07	TCVN 12709-2-24:2024	Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật – Phần 2-24: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định ngài táo Epiphyas postvittana Walker	04/9/2024	04/9/2024
08	TCVN 12709-2-25:2024	Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật – Phần 2-25: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình	04/9/2024	04/9/2024

		giám định ngài củ khoai tây <i>Phthorimaea operculella</i> Zeller		
09	TCVN 12709-2- 26:2024	Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật – Phần 2-26: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định bọ trĩ cam Nam phi <i>Scirtothrips aurantii</i> Faure	04/9/2024	04/9/2024
10	TCVN 12709-2- 27:2024	Quy trình giám định côn trùng và nhện nhỏ hại thực vật – Phần 2-27: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định ruồi đục quả thuộc giống <i>Ceratitis</i>	04/9/2024	04/9/2024
11	TCVN 12372-2- 4:2024	Quy trình giám định cỏ dại gây hại thực vật – Phần 2-4: Yêu cầu cụ thể đối với quy trình giám định cỏ ma ký sinh thuộc chi <i>Striga</i>	04/9/2024	04/9/2024
12	TCVN 13917- 4:2024	Phát hiện và định lượng thực vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật biến đổi gen bằng phương pháp real-time PCR – Phần 4: Sự kiện ngô chuyển gen MON 87427	04/9/2024	04/9/2024
13	TCVN 13917- 5:2024	Phát hiện và định lượng thực vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật biến đổi gen bằng phương pháp real-time PCR – Phần 5: Sự kiện ngô chuyển gen MON 87460	04/9/2024	04/9/2024
14	TCVN 13917- 4:2024	Phát hiện và định lượng thực vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật biến đổi gen bằng phương pháp real-time PCR – Phần 4: Sự kiện ngô chuyển gen MON 87427	04/9/2024	04/9/2024
15	TCVN 13917- 5:2024	Phát hiện và định lượng thực vật biến đổi gen và sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật biến đổi gen bằng phương pháp real-time PCR – Phần 5: Sự kiện ngô chuyển gen MON 87460	04/9/2024	04/9/2024

16	TCVN 14187:2024	Mật ong – Xác định Chì, Cadimi, Asen bằng phương pháp quang phổ nguồn plasma cảm ứng cao tần kết nối khối phổ (ICP-MS)	04/9/2024	04/9/2024
17	TCVN 14188:2024	Mật ong – Xác định dư lượng nhóm Neonicotinoid bằng phương pháp sắc ký lỏng khối phổ hai lần (LC-MS/MS),	04/9/2024	04/9/2024
18	TCVN 14166:2024	Giấy in tài liệu dùng cho lưu trữ	09/9/2024	09/9/2024
19	TCVN 13567-5:2024	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 5: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường bổ sung phụ gia SBS bằng phương pháp trộn khô	19/9/2024	19/9/2024

Nguồn: TBT Quảng Ngãi tổng hợp

TCVN 13275:2020

Về định dạng vật mang dữ liệu trong truy xuất nguồn gốc

TCVN 13275:2020 nêu rõ, vật mang dữ liệu bao gồm công nghệ để nhận dạng sản phẩm, thu thập thông tin, phân tích, lưu trữ và truyền dữ liệu cũng như tích hợp vào hệ thống tổng thể. Các hệ thống này bao gồm phần cứng như thiết bị đo/ cảm biến, thẻ nhận dạng và nhãn, với phần mềm. Trong phạm vi của tiêu chuẩn này, vật mang dữ liệu có thể chia làm 3 loại: lưu quang học, lưu từ tính và lưu điện tử.

Đối với hoạt động truy xuất nguồn gốc, khuyến nghị sử dụng các mã vạch một chiều, mã vạch hai chiều, mã ma trận và chip RFID.

TCVN 13275:2020 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/GS1 Mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Theo TCVN 13275:2020, vật mang dữ liệu bao gồm công nghệ để nhận dạng sản phẩm, thu thập thông tin, phân tích, lưu trữ và truyền dữ liệu cũng như tích hợp vào hệ thống tổng thể. Các hệ thống này bao gồm phần cứng như thiết bị đo/ cảm biến, thẻ nhận dạng và nhãn, với phần mềm. Trong phạm vi của tiêu chuẩn này, vật mang dữ liệu có thể chia làm 3 loại: lưu quang học, lưu từ tính và lưu điện tử. Trong hoạt động truy xuất nguồn gốc, khuyến nghị sử dụng các mã vạch một chiều, mã vạch hai chiều, mã ma trận và chip RFID.



TCVN 13275:2020 quy định về định dạng vật mang dữ liệu để mã hóa các mã truy vết được sử dụng trên các dạng bao gói và hộp/vật đựng đặc thù của sản phẩm, hàng hóa trong chuỗi truy xuất nguồn gốc. Tiêu chuẩn này có thể áp dụng để mã hóa các mã truy vết không theo chuẩn GS1.

Tiêu chuẩn này đồng thời cũng nêu rõ về vị trí đặt vật mang dữ liệu. Cụ thể, vị trí đặt vật mang dữ liệu được khuyến nghị là cung phần tư phía dưới bên phải mặt sau, tôn trọng khoảng trống thích hợp quanh vật mang dữ liệu và quy tắc về rìa.

Đối với vật mang dữ liệu sử dụng mã vạch không được gần hơn 8 mm (0,3 inch) hoặc xa hơn 100 mm (4 inch) so với rìa gần nhất của bao gói/ hộp/ vật đựng. Phải tránh đặt mã vạch quá gần rìa sản phẩm.

Có thể chấp nhận vị trí đặt vật mang dữ liệu vào đáy sản phẩm trừ các sản phẩm lớn, công kênh. Ưu tiên vị trí đặt vật mang dữ liệu vào phía (mặt) sau sản phẩm. Ngoài ra, đối với vật mang dữ liệu phụ, nếu đơn vị đã có sẵn vật mang dữ liệu, phải đặt tất cả vật mang dữ liệu phụ sao cho không che khuất vật mang dữ liệu chính. Trong trường hợp này, vị trí khuyến nghị đặt vật mang dữ liệu phụ là cùng mặt với vật mang dữ liệu chính sao cho vẫn duy trì được vị trí nhất quán theo chiều ngang. Phải đảm bảo khoảng trống cho cả hai mã vạch.

Nguồn: tieuchuan.vsqi.gov.vn

Hiệp định TBT và một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Trong thương mại quốc tế nói chung và trong chính sách thương mại của các nước nói riêng, vấn đề tự do hóa thương mại và bảo hộ thương mại luôn đi liền với nhau. Một trong những biện pháp để quản lý nhập khẩu là sử dụng hệ thống các chính sách dưới

hình thức hàng rào kỹ thuật. Tuy nhiên, việc xây dựng và áp dụng những biện pháp này để đảm bảo những mục tiêu hợp pháp đặt ra nhưng không được cản trở tự do hóa thương mại là điều rất khó. Việt Nam là thành viên của WTO nên có trách nhiệm thực hiện tất cả cam kết đối với WTO trong đó có cam kết về TBT.



Hiệp định TBT

TBT là cụm từ viết tắt Tiếng Anh của “Technical Barriers to Trade”, nghĩa là hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Hiệp định TBT là một trong các hiệp định điều chỉnh về thương mại hàng hóa với mục tiêu bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp không phân biệt đối xử và không tạo ra các rào cản không cần thiết cho thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Cùng lúc, Hiệp định thừa nhận các Thành viên WTO có quyền áp dụng các biện pháp để thực hiện các mục tiêu chính sách hợp pháp của mình. Hiệp định TBT khuyến khích các nước thành viên sử dụng tiêu chuẩn quốc tế làm căn cứ cho các biện pháp quy

chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại. Thông qua các điều khoản về minh bạch hóa, Hiệp định cũng được xây dựng với mục đích tạo môi trường thương mại dễ dự đoán.

Hiệp định này gồm 15 Điều và 3 Phụ lục điều chỉnh các vấn đề liên quan tới xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp ở cấp cơ quan chính phủ trung ương và địa phương của các quốc gia thành viên; cam kết các vấn đề về cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, đối xử đặc biệt và khác biệt, cung cấp thông tin, tham vấn và giải quyết tranh chấp, Ủy ban TBT... Các Phụ lục của Hiệp định quy định về định nghĩa, nhóm chuyên gia kỹ thuật, Quy chế thực hành tốt về xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn.

Khi ban hành các quy định về kỹ thuật đối với hàng hóa, mỗi nước thành viên WTO đều phải đảm bảo rằng việc áp dụng các quy định này:

Tránh sự cản trở không cần thiết đối với thương mại quốc tế (nếu có thể dùng các biện pháp khác ít hạn chế thương mại hơn). Theo đó, trước hết các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hay các quy trình đánh giá hợp chuẩn, hợp quy của hàng hóa.

Nguyên tắc không phân biệt đối xử: Không phân biệt đối xử (được thể hiện qua hai nguyên tắc là nguyên tắc đối xử tối huệ quốc và nguyên tắc đãi ngộ quốc gia). Giống như các hiệp định khác quy định rằng “đối với các quy chuẩn kỹ thuật, sản phẩm nhập khẩu từ lãnh thổ của bất cứ thành viên nào được đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các sản phẩm tương tự của nước sở tại và sản phẩm tương tự của bất cứ nước thứ ba nào”. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc và nguyên tắc đãi ngộ quốc gia được áp dụng cho cả các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự phù hợp.

Hài hòa hóa: Các nước thành viên phải bảo đảm tăng cường việc thông qua các tiêu chuẩn chung về cùng một đối tượng, mà trước đó mỗi nước có một số yêu cầu riêng của nước mình. Trong nguyên tắc này còn đề cập đến vấn đề đối xử đặc biệt và khác biệt đối với các thành viên đang phát triển, đó là: các nước thành viên bảo vệ lợi ích của các nước đang phát triển; có sự linh hoạt trong ban hành và áp dụng các quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự phù hợp.

Nguyên tắc bình đẳng: Khuyến khích các nước thành viên hợp tác để công nhận các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp của nhau.

Nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau: Các nước thành viên được khuyến khích ký kết các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau đối với các kết quả đánh giá sự phù hợp: kết quả thử nghiệm, chứng nhận, hiệu chuẩn, giám định chất lượng hàng hoá.

Nguyên tắc minh bạch hóa: Nguyên tắc này được thể hiện ở việc quy định về lấy ý kiến cho dự thảo quy định kỹ thuật, thời gian có hiệu lực của chúng.

Đây là những công cụ quan trọng mà doanh nghiệp có thể sử dụng để bước đầu nhận biết một biện pháp kỹ thuật có tuân thủ WTO hay không để từ đó có biện pháp khiếu nại, khiếu kiện hợp lý nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Theo nguyên tắc không phân biệt đối xử được quy định trong Hiệp định TBT thì nước nhập khẩu có nghĩa vụ: Không quy định các biện pháp kỹ thuật khác nhau cho hàng hoá tương tự đến từ các nước thành viên khác nhau của WTO (nguyên tắc tối huệ quốc);

Không quy định các biện pháp kỹ thuật cho hàng hoá nước ngoài cao hơn biện pháp kỹ thuật áp dụng cho hàng hoá tương tự nội địa của mình (nguyên tắc đối xử quốc gia). Như vậy, về cơ bản, một nước không được quy định các biện pháp kỹ thuật khác nhau cho hàng hoá tương tự nhau. Điều này có nghĩa hàng hoá Việt Nam khi xuất khẩu sang một nước thành viên WTO sẽ chỉ phải tuân thủ các biện pháp kỹ thuật áp dụng cho hàng hoá tương tự trong nội địa nước đó và hàng hoá tương tự nhập khẩu từ tất cả các nguồn khác. Ngược lại, Việt Nam cũng không được ban hành và áp dụng các biện pháp kỹ thuật đối với hàng hoá nhập khẩu ở mức cao hơn hoặc thấp hơn mức áp dụng cho hàng hoá nội địa.

Liên quan đến các yêu cầu về đặc tính sản phẩm, quy trình sản xuất, đóng gói, bên cạnh các “biện pháp kỹ thuật” (TBT), các nước còn áp dụng các “biện pháp kiểm dịch động thực vật” (SPS). Trên thực tế, có nhiều điểm giống nhau giữa hai loại biện pháp này. Tuy nhiên, WTO có quy định riêng cho mỗi loại biện pháp, tập trung ở hai Hiệp định khác nhau (với các nguyên tắc khác nhau). Tiêu chí để phân biệt hai loại biện pháp này là mục tiêu áp dụng của chúng:

Các biện pháp SPS hướng tới mục tiêu cụ thể là bảo vệ lãnh thổ của một thành viên, sức khoẻ con người, động thực vật thông qua việc đảm bảo vệ sinh thực phẩm và ngăn chặn các dịch bệnh sâu bệnh;

Các biện pháp TBT hướng tới nhiều mục tiêu chính sách khác nhau (an ninh quốc gia, môi trường, cạnh tranh lành mạnh...).

Việc phân biệt khi nào một yêu cầu là biện pháp kỹ thuật hay biện pháp vệ sinh dịch tễ là rất quan trọng đối với doanh nghiệp bởi mỗi loại biện pháp sẽ chịu sự điều chỉnh của các nguyên tắc và quy định khác nhau của WTO; trên cơ sở đó, doanh nghiệp biết bảo vệ quyền lợi của mình bằng phương pháp nào thì thích hợp.

Ví dụ quy định về thuốc sâu: Quy định về lượng thuốc sâu trong thực phẩm hoặc trong thức ăn gia súc nhằm bảo vệ sức khoẻ con người hoặc động vật: Biện pháp SPS; Quy định liên quan đến chất lượng, công năng của sản phẩm hoặc những rủi ro về sức khoẻ có thể xảy ra với người sử dụng: Biện pháp TBT.

Một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại

Ở Việt Nam hiện nay, hàng rào kỹ thuật được thể hiện qua hình thức: quy định về tiêu chuẩn, quy định về quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp và một số văn bản quy phạm pháp luật có yếu tố kỹ thuật khác. Văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan đến hàng rào kỹ thuật trong thương mại bao gồm: Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007, Luật Đo lường, các văn bản pháp luật hướng dẫn văn bản trên và các văn bản pháp luật khác (các Quyết định và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra hay quản lý chất lượng, về đơn vị đo lường và chuẩn đo lường,...).

“Tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế – xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này. Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng”. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn: nguyên tắc tự nguyện. Hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam bao gồm: Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố theo trình tự, thủ tục quy định; Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) do tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức khác công bố để áp dụng trong các hoạt động của tổ chức đó.



Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế xã hội. Về cơ bản, hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam đã được xây dựng và phát triển sát thực các đối tượng cần thiết, được bổ sung kịp thời các tiêu chuẩn thuộc các đối tượng theo yêu cầu quản lý cấp bách. Được soát xét kịp thời để loại ra khỏi hệ thống các tiêu chuẩn Việt Nam đã quá lạc hậu hoặc không còn cần thiết hoặc thuộc các đối tượng có thể quản lý dưới dạng các văn bản khác, hoặc cấp khác.

Quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế – xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác. Quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng. Các TCVN sẽ được sử dụng tối đa làm căn cứ kỹ thuật cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

Hệ thống quy chuẩn của Việt Nam bao gồm: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (do Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi toàn quốc đối với đối tượng thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được Chính phủ phân công quản lý); quy chuẩn kỹ thuật địa phương (do Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về môi trường của địa phương). Quy chuẩn kỹ thuật địa phương không được trái với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Việc xây dựng, ban

hành quy chuẩn quốc gia phải trải qua một quy trình, thủ tục chặt chẽ và phù hợp với các nguyên tắc và quy định của hiệp định TBT.

Theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam năm 2006 thì “Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng”. Thủ tục đánh giá sự phù hợp là bất cứ thủ tục nào được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp để xác định các yêu cầu liên quan trong các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn có được thỏa mãn hay không. Ngoài ra, các thủ tục đánh giá sự phù hợp còn bao gồm: Quy trình lấy mẫu, thử nghiệm và kiểm tra; Đánh giá, thẩm tra và đảm bảo sự phù hợp; Đăng ký, công nhận và chấp nhận cũng như kết hợp của chúng. Để các thủ tục này không trở thành rào cản đối với thương mại thì phải tuân thủ các yêu cầu: thông tin công khai, minh bạch; bảo mật thông tin, số liệu của tổ chức được đánh giá sự phù hợp; không phân biệt đối xử; trình tự, thủ tục đánh giá sự phù hợp phải hài hòa với quy định của tổ chức quốc tế có liên quan. Hoạt động đánh giá sự phù hợp là cơ sở hạ tầng kỹ thuật quan trọng đối với các quy định tiêu chuẩn kỹ thuật.

Kết luận

Việt Nam cần thường xuyên rà soát, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu của Hiệp định TBT. Bên cạnh đó, việc xử lý các vấn đề về hàng rào kỹ thuật trong thương mại ở Việt Nam cũng đòi hỏi các cơ quan, ban ngành có liên quan phải có trách nhiệm cao, có trình độ, chuyên môn, phong cách làm việc chuyên nghiệp, trình độ ngoại ngữ tốt.

Nguồn: Văn phòng TBT Việt Nam

Chính thức vận hành Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia từ ngày 01/10/2024

Tại buổi họp báo thường kỳ quý III/2024 của Bộ KH&CN, trả lời câu hỏi của Báo điện tử Chính phủ về việc vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, ông Nghiêm Thanh Hải, Phó Trưởng ban Quản lý chất lượng và đánh giá sự phù hợp, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ KH&CN) cho biết, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia đã chính thức được đưa vào vận hành từ ngày 01/10/2024 (truyxuatnguonoc.gov.vn).

Đến nay, Cổng đã có sự kết nối với 17 địa phương và 4.406 doanh nghiệp tham gia để thực hiện truy xuất nguồn gốc 4.520 sản phẩm hàng hóa. Nhiều địa phương đã có văn bản đề nghị kết nối kỹ thuật với Cổng. Hiện nay, Trung tâm Mã số Mã vạch Quốc gia - đơn vị được Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia giao triển khai hoạt động này, đang hướng dẫn, phối hợp với các địa phương triển khai việc kết nối truy cập. Về giải pháp vận hành hiệu quả Cổng thông tin truy xuất quốc gia, ông Nghiêm Thanh Hải cho hay, Bộ KH&CN đang xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Một chính sách quan trọng, đó là đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm hàng hóa, trong đó có mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc. Nội dung này sẽ được xây dựng, triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước, qua đó tạo thuận lợi cho việc vận hành Công thông tin truy xuất quốc gia. Công truy xuất nguồn gốc quốc gia đóng vai trò như cầu nối để kết nối tất cả thành phần tham gia trong chuỗi cung ứng, giữa các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp; góp phần hạn chế tình trạng loạn phần mềm, loạn apps truy xuất nguồn gốc...

Công sẽ kết nối các hệ thống truy xuất nguồn gốc trong nước và quốc tế; quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa trong nước và quốc tế; chia sẻ dữ liệu truy xuất nguồn gốc giữa các hệ thống.

Đồng thời thực hiện, giám sát, đánh giá các công việc liên quan quản lý truy xuất nguồn gốc; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên toàn quốc. Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia cũng dựa trên số liệu báo cáo, thống kê và công nghệ để phân tích trợ giúp cơ quan quản lý đưa chính sách kịp thời, phù hợp./

Nguồn: chinhphu.vn

truyxuatnguogoc.gov.vn	
0	Bộ ban ngành Bộ ban ngành đã kết nối cổng thông tin TXNG
4406	Doanh nghiệp Doanh nghiệp tham gia kê khai TXNG
17	Địa phương Địa phương tham gia hoạt động TXNG
4520	Sản phẩm Số lượng sản phẩm, hàng hóa kê khai TXNG

Kính gửi: Quý bạn đọc!

TBT Quảng Ngãi có nhiệm vụ thông báo hỏi đáp về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo Quyết định số 62/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

Trong khuôn khổ Bản tin này, chúng tôi đăng tải thông tin liên quan đến việc thực thi Hàng rào kỹ thuật trong thương mại; hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tin cảnh báo của các nước thành viên WTO có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bản tin cũng được đăng tải trên website: <http://skh.quangngai.gov.vn/>. Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc và theo dõi.

Email: tbtquangngai@gmail.com ĐT: 0255 8556004